

8. Ohtsu A, Boku N, Muro K, et al. Definitive Chemoradiotherapy for T4 and/or M1 Lymph Node Squamous Cell Carcinoma of the Esophagus. JCO. 1999;17(9):2915-2915. doi:10.1200/JCO.1999.17.9.2915
9. Li QQ, Liu MZ, Hu YH, Liu H, He ZY, Lin HX. Definitive concomitant chemoradiotherapy with docetaxel and cisplatin in squamous esophageal carcinoma. Diseases of the Esophagus. 2010; 23(3): 253-259. doi:10.1111/j.1442-2050.2009.01003.x

## THỰC TRẠNG TIÊM PHÒNG BỆNH ĐẠI Ở NGƯỜI TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Nguyễn Thị Tố Uyên<sup>1</sup>, Nguyễn Thu Hà<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng tiêm phòng bệnh dại ở người tại tỉnh Thái Nguyên 2016-2020. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập số liệu hồi cứu từ CDC tỉnh Thái Nguyên và các báo cáo của các trung tâm y tế huyện. **Kết quả:** Trong giai đoạn 2016-2020 có tổng số 50345 ca tiêm phòng bệnh dại, trong đó 91,4% phơi nhiễm bệnh dại từ chó. Vị trí vết thương phổ biến nhất là ở chân chiếm 56,2%. Vết thương độ III phổ biến nhất (52,0%), độ II (47,7%), độ I (0,3%). Hầu hết người dân tới điều trị dự phòng sớm ≤ 10 ngày chiếm 91,6%. Tỷ lệ xuất hiện phản ứng phụ là rất thấp, phản ứng tại chỗ sau tiêm phổ biến nhất là đau (0,6%). Có 15 ca tử vong, các ca tử vong đều có tiền sử không tiêm huyết thanh, vắc xin kháng dại. **Kết luận:** Có 50345 ca tiêm phòng bệnh Dại cho người bị phơi nhiễm. Công tác tiêm phòng Dại đã được thực hiện tốt, tỷ lệ có tác dụng phụ rất thấp 0,6% sau tiêm. Các trường hợp đã tiêm đều có kết quả dự phòng tốt. Những bệnh nhân tử vong đều có tiền sử chưa tiêm.

**Từ khóa:** Tiêm phòng Dại, Thái Nguyên.

### SUMMARY

#### CURRENT SITUATION OF RABIES VACCINATION IN THAI NGUYEN PROVINCE PERIOD 2016-2020

**Objective:** Describe the situation of rabies vaccination in humans in Thai Nguyen province 2016-2020. **Methods:** Cross-sectional descriptive study, collecting retrospective data from the Thai Nguyen CDC and reports of district health centers. **Results:** In the period 2016-2020 there were a total of 50345 rabies vaccinations, of which 91.4% were exposed to rabies from dogs. The most common wound site was on the leg which accounted for 56.2%. Grade III wounds were most common (52.0%), grade II (47.7%), grade I (0.3%). Most people go to early prophylaxis ≤ 10 days, accounting for 91.6%. The incidence of side effects is very low, the most common

post-injection local reaction is pain (0.6%). There were 15 people died due to rabies, all deaths with a history of no serum injection, anti-rabies vaccine. **Conclusions:** There were 50345 rabies vaccinations for exposed people. Rabies vaccination has been done well, with a very low incidence of side effects of 0.6% after vaccination. Vaccinated cases all have good prophylactic results.

**Keywords:** Rabies vaccination, Thai Nguyen

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay bệnh dại vẫn còn phổ biến ở nhiều nước, theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hàng năm trên thế giới có khoảng 59.000 người chết vì bệnh dại trong đó trên 95% các ca tử vong được báo cáo từ các nước đang phát triển ở Châu Phi, Châu Á [1]. Theo thống kê từ các CDC trong cả nước từ năm 1994-2016 mỗi năm trung bình có từ 300.000 đến 600.000 người bị súc vật cắn phải đi vắc xin phòng dại. Tích lũy năm 2020 cả nước ghi nhận 69 trường hợp tử vong do bệnh dại tại 32 tỉnh thành phố. Hầu hết bệnh nhân tử vong do bệnh dại tập trung chủ yếu ở khu vực trung du miền núi phía Bắc. Vậy thực trạng điều trị dự phòng bệnh dại ở người tại tỉnh Thái Nguyên như thế nào? Để trả lời những câu hỏi đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài nhằm Mô tả thực trạng tiêm phòng dại ở người tại tỉnh Thái Nguyên 2016-2020.

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

\* Sổ sách báo cáo tiêm phòng Dại của CDC tỉnh Thái Nguyên

\* Sổ sách báo cáo tiêm phòng Dại của TTYT các huyện

**2.2.Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả, cắt ngang. Hồi cứu số liệu về thực trạng tiêm phòng dại trong giai đoạn 2016-2020.

**2.3. Phương pháp xử lý số liệu.** Sử dụng phần mềm Epidata 3.1 để nhập số liệu và phần mềm SPSS 20.0 để phân tích số liệu.

**2.4. Đạo đức nghiên cứu.** Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng đạo đức của Trường Đại học Y dược Thái Nguyên. Các

<sup>1</sup>Đại học Y Dược Thái Nguyên

<sup>2</sup>CDC tỉnh Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Tố Uyên

Email: nguyenthitouyen@tnmc.edu.vn

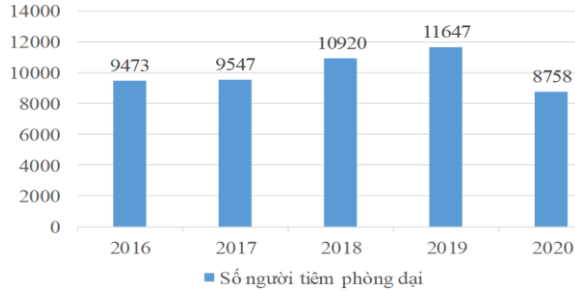
Ngày nhận bài: 2.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.2.2023

Ngày duyệt bài: 6.3.2023

thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**



**Biểu đồ 3.1. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo từng năm giai đoạn 2016-2020**

**Nhận xét:** Trong giai đoạn 2016-2020 có tổng 50345 ca điều trị dự phòng bệnh dại. Từ năm 2016-2020 số trường hợp tiêm phòng dại đạt được lần lượt là 9479, 9547, 10920, 11647 và 8758.

**Bảng 3.1. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại theo tuổi tại Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020**

Tuổi	Số lượng	Tỷ lệ (%)
< 15 tuổi	13178	26,2
15-24 tuổi	4723	9,4
25-49 tuổi	18154	36,1
≥ 50 tuổi	14290	28,4
<b>Tổng</b>	<b>50345</b>	<b>100,0</b>

**Nhận xét:** Trong số những trường hợp điều trị dự phòng dại tại tỉnh Thái Nguyên, nhóm tuổi từ 25-49 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 36,1%, thấp nhất là nhóm tuổi từ 15-24 tuổi chiếm 9,4%.

**Bảng 3.2. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng dại theo loại động vật truyền bệnh tại Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020**

Loại động vật	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Chó	46033	91,4
Mèo	4031	8,0
Dơi	21	0,1
Khác	260	0,5
<b>Tổng</b>	<b>50345</b>	<b>100,0</b>

**Nhận xét:** Những đối tượng tới điều trị dự phòng bệnh dại là do chó cắn/liếm/cào chiếm tỷ lệ 91,4%. Còn lại là do mèo (8,0%), dơi (0,1%) và một số loài động vật khác (0,5%).

**Bảng 3.3. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo giới theo từng năm giai đoạn 2016-2020**

Năm	Nam		Nữ		Tổng
	Số lượng	%	Số lượng	%	
2016	5123	54,1	4350	45,9	9473
2017	5169	54,1	4378	45,9	9547
2018	5977	54,7	4943	45,3	10920
2019	6331	54,4	5316	45,6	11647
2020	4724	53,9	4034	46,1	8758
<b>Tổng</b>	<b>27324</b>	<b>54,3</b>	<b>23021</b>	<b>45,7</b>	<b>50345</b>

**Nhận xét:** Trong số 50345 trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên từ năm 2016 đến năm 2020, tỷ lệ nam giới là 54,3% và ở nữ giới là 45,7%.

**Bảng 3.4. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo vị trí vết thương theo từng năm giai đoạn 2016-2020**

Năm	ĐMC		Thân mình		Tay		Chân		Tổng
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
2016	301	3,2	488	5,2	3262	34,4	5422	57,2	9473
2017	332	3,5	644	6,8	3160	33,1	5411	56,7	9547
2018	318	2,9	640	5,9	3832	35,1	6130	56,1	10920
2019	304	2,6	607	5,2	4145	35,6	6591	56,6	11647
2020	300	3,4	577	6,6	3127	35,7	4754	54,3	8758
<b>Tổng</b>	<b>1555</b>	<b>3,1</b>	<b>2956</b>	<b>5,9</b>	<b>17526</b>	<b>34,8</b>	<b>28308</b>	<b>56,2</b>	<b>50345</b>

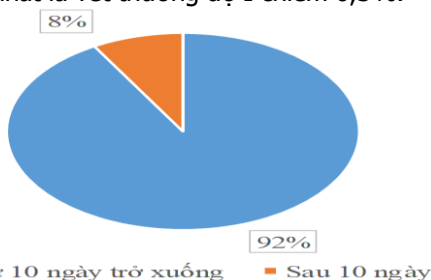
**Nhận xét:** Có 56,2% những trường hợp đến điều trị dự phòng dại tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 có vết thương ở chân. Vết thương ở tay chiếm 34,8%, ở thân mình là 5,9%. Chỉ có 3,1% là vết thương ở vùng đầu, mặt, cổ.

**Bảng 3.5. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo mức độ vết thương theo từng năm giai đoạn 2016-2020.**

Năm	Độ I		Độ II		Độ III		Tổng
	SL	%	SL	%	SL	%	
2016	24	0,3	4188	44,2	5261	55,5	9473

2017	16	0,2	4743	49,7	4788	50,2	9547
2018	19	0,2	5043	46,2	5858	53,6	10920
2019	56	0,5	5510	47,3	6081	52,2	11647
2020	19	0,2	4525	51,7	4214	48,1	8758
<b>Tổng</b>	<b>134</b>	<b>0,3</b>	<b>24009</b>	<b>47,7</b>	<b>26202</b>	<b>52,0</b>	<b>50345</b>

**Nhận xét:** Trong 50345 đối tượng tới điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020, hầu hết là người có vết thương độ III chiếm tỷ lệ 52,0%, vết thương độ II chiếm 47,7% và thấp nhất là vết thương độ I chiếm 0,3%.



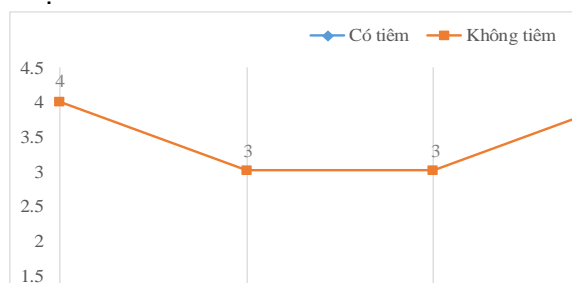
**Biểu đồ 3.3. Phân bố bệnh nhân điều trị dự phòng bệnh dại tại Thái Nguyên theo thời gian từ khi bị phơi nhiễm đến khi điều trị dự phòng giai đoạn 2016-2020**

**Nhận xét:** Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, số người tới điều trị dự phòng bệnh dại ở nhóm ≤ 10 ngày chiếm 91,6%, còn lại là nhóm > 10 ngày chiếm 8,4%.

**Bảng 3.6. Phân loại trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo phản ứng sau tiêm tại chỗ giai đoạn 2016-2020 (n=50345).**

Phản ứng tại chỗ	Số lượng	%
Đau	302	0,600
Quầng đỏ	46	0,091
Tụ máu	2	0,004
Phù nề nốt cứng	42	0,083
<b>Tổng</b>	<b>392</b>	<b>0,779</b>

**Nhận xét:** Tỷ lệ đối tượng có phản ứng tại chỗ sau tiêm rất thấp (từ 0,004% đến 0,6%). Phản ứng tại chỗ thường gặp nhất là đau chiếm 0,6% sau đó là quầng đỏ (0,091%) và phù nề nốt cứng (0,083%). Chỉ 0,004% các trường hợp có tụ máu sau tiêm.



**Biểu đồ 3.4. Phân bố bệnh nhân tử vong do**

**bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên theo tiền sử điều trị dự phòng dại theo từng năm giai đoạn 2016-2020**

**Nhận xét:** Trong tổng số 15 ca tử vong ở Thái Nguyên giai đoạn từ 2016-2020 thì 100% các ca tử vong đều có tiền sử không tiêm vắc xin/huyết thanh kháng dại. Năm 2016 và 2019 là những năm có nhiều số ca tử vong nhất (4 ca). Ít nhất là năm 2020 với 1 ca tử vong.

**IV. BÀN LUẬN**

Số lượng người tiêm phòng dại tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2019 có đặc điểm tăng dần từ năm 2016 đến năm 2019 (từ 9473 ca tăng lên 11647 ca). Đến năm 2020 giảm xuống còn 8758 ca. Sự giảm đột ngột các trường hợp tiêm phòng dại năm 2020 do tình hình bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp. Bệnh dại xuất hiện ở cả 4 nhóm tuổi với phân bố nhiều nhất là nhóm tuổi từ 25 đến 49 tuổi chiếm tỷ lệ 36,1%. Kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Tiến Dũng cũng nhận định rằng trong số những ca tử vong do bệnh dại tại Sơn La nhóm tuổi từ 15 đến 60 tuổi chiếm 68,1% và tỷ lệ này tại Hà Nội là 79,6% [2].

Trong 50.345 trường hợp điều trị dự phòng bệnh dại tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ 2016-2020, hầu hết là do chó truyền bệnh (91,4%), còn lại là do mèo (8,0%), dơi (0,1%) và 0,5% là do các động vật khác. Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu của các tác giả khác tại Việt Nam và trên thế giới như của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương trong số bệnh nhân điều trị dự phòng dại chủ yếu là bệnh nhân bị chó cắn (92,0%), nghiên cứu tại tỉnh Bắc Giang của tác giả Nguyễn Văn Chuyên chỉ ra chó là loài động vật chủ yếu gây phơi nhiễm cho người (95,0%). Một số nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới cũng cho kết quả tương đồng như nghiên cứu tại Ethiopia năm 2018 cho thấy trong 655 trường hợp do động vật cắn thì 96,5% là do chó [4], [5].

Trong nghiên cứu này, vị trí vết cắn ở chân chiếm tỷ lệ 56,2%, ở tay là 34,8%, thân mình là 5,9%, vùng đầu, mặt, cổ chỉ chiếm 3,1%. Tương tự như kết quả nghiên cứu tại khu vực miền núi phía Bắc năm 2015 tỷ lệ người bị cắn ở vị trí nguy hiểm gần thần kinh trung ương như đầu, mặt, cổ là thấp (3,0%). Nhiều nhất là ở chân (57,0%) sau đó đến tay (34%).

Trong tổng số đối tượng điều trị dự phòng

tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 có 91,6% bệnh nhân tới điều trị dự phòng sau khi bị phơi nhiễm với bệnh dại < 10 ngày; 8,4% người đi tiêm sau khi bị phơi nhiễm với bệnh dại ≥ 10 ngày, tác giả Nguyễn Thị Hiền, trong giai đoạn từ 2015 đến 2017, số người đến tiêm vắc xin phòng bệnh dại ở nhóm dưới 10 ngày chiếm 74,1%, từ 10 ngày trở lên là 25,9% [6]

## V. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2016-2020 có tổng số 50345 ca tiêm phòng dại, trong đó 91,4% phơi nhiễm bệnh dại từ chó. Vị trí vết thương phổ biến nhất là ở chân chiếm 56,2%. Vết thương độ III phổ biến nhất (52,0%). Hầu hết người dân tới điều trị dự phòng sớm ≤ 10 ngày chiếm 91,6%. Tỷ lệ xuất hiện phản ứng phụ là rất thấp, phản ứng tại chỗ sau tiêm phổ biến nhất là đau (0,6%). Có 15 ca tử vong, các ca tử vong đều có tiền sử không tiêm huyết thanh, vắc xin kháng dại.

## VI. KHUYẾN NGHỊ

Cơ quan y tế cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan thú y trong việc kiểm soát bệnh dại ở động vật, nhất là đối tượng chó, mèo. Quản lý việc nuôi động vật ở các hộ gia đình, nhắc nhở tiêm

phòng dại cho vật nuôi định kỳ hàng năm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization (2018)**, The burden of rabies, WHO Expert Consultation on Rabies: third report, Geneva, Technical Report Series, No. 1012, p. 2-9.
2. **Nguyễn Tiên Dũng (2016)**, "Hiệu quả bước đầu can thiệp phòng, chống bệnh dại theo cách tiếp cận Một sức khoẻ tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, năm 2014-2015", Tạp chí Y học Dự phòng, 27 (6), tr. 92.
3. **Nguyễn Thị Thanh Hương, Hoàng Văn Tân, Nguyễn Thị Kiều Anh và cộng sự (2017)**, "Kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh dại ở trẻ em học đường nhóm tuổi 6-15 tuổi tại tỉnh Phú Thọ, 2015", Tạp chí Y học Dự phòng, 27 (6), phụ bản, tr. 327-
4. **Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Văn Khải và Ngô Quý Lâm (2020)**, "Thực trạng công tác phòng chống bệnh dại tại tỉnh Bắc Giang (2015-2019)", Tạp chí Y học Cộng đồng, 6 (59), tr. 116-121.
5. **Ngô Tiên Hải, Nguyễn Thị Thanh Hương, Lê Thị Hà và cộng sự (2020)**, "Thực trạng điều trị dự phòng của bệnh nhân phơi nhiễm bệnh dại tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, 2020", Tạp chí Y học Dự phòng, 30 (6), tr. 90-97.
6. **Nguyễn Thị Hiền (2018)**, "Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh dại trên người tại Nghệ An, giai đoạn 2008-2017", Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

## THỰC TRẠNG TRẦM CẢM CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở HUYỆN HƯƠNG KHÊ TỈNH HÀ TĨNH

Đinh Công Hoan<sup>1</sup>, Đàm Thị Bảo Hoa<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng trầm cảm người cao tuổi ở huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh năm 2022 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 614 người cao tuổi tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh bằng bộ công cụ GDS-30 thực hiện từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp dựa vào bộ câu hỏi bao gồm các thông tin chung về nhân khẩu học - xã hội học, thang đo trầm cảm (GDS-30). Sử dụng test  $\chi^2$  để tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến trầm cảm ở người cao tuổi. **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ trầm cảm ở người cao tuổi là 46,9%. Có mối liên quan giữa tuổi cao ≥70, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn với người xung quanh, đời sống tinh thần không thỏa mãn, thói

quen ít giao tiếp với trầm cảm ở người cao tuổi ( $p < 0,05$ ).

**Từ khóa:** Người cao tuổi, trầm cảm, trầm cảm ở người cao tuổi.

### SUMMARY

#### SITUATION OF DEPRESSION OF THE ELDERLY IN HUONG KHE DISTRICT, HA TINH PROVINCE, VIET NAM

**Objectives:** To describe the rate of depression in the elderly in Huong Khe district, Ha Tinh province, Viet Nam in 2022 and find out some related factors.

**Method:** Cross-sectional descriptive study on 614 elderly people in Huong Khe district, Ha Tinh province by using GDS-30 depression scale carried out from May 2022 to July 2022. Data were collected by direct interview method based on a set of questions including general information on socio-demographic, depression scale (GDS-30). Using the  $\chi^2$  test to find out some factors related to depression in the elderly.

**Research results:** The rate of depression in the elderly is 46.9%. There is a relationship between the older age ( $\geq 70$ ), marital status, conflicts with people around, unsatisfactory spiritual life, low

<sup>1</sup>Trung tâm Y tế huyện Hương Khê

<sup>2</sup>Trường đại học Y Dược Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Công Hoan

Email: conghoan345@gmail.com

Ngày nhận bài: 3.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 7.3.2023